

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phố Nối A - Trưng Trắc - Văn Lâm - Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2009

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	606.550.355.361	241.076.857.387	1.113.509.603.328	1.309.286.360.425
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		12.580.679.354	1.519.603.394	30.602.471.120	7.754.957.108
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		593.969.676.007	239.557.253.993	1.082.907.132.208	1.301.531.403.317
4.	Giá vốn hàng bán	11		514.870.676.884	182.826.912.926	926.184.914.052	1.149.728.535.529
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		79.098.999.123	56.730.341.067	156.722.218.157	151.802.867.788
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21		5.607.684.955	(7.743.698.770)	11.965.634.807	25.710.294.445
7.	Chi phí tài chính	22		17.885.510.132	27.062.026.021	44.396.173.800	96.714.996.950
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		13.345.410.938	6.955.828.097	13.345.410.938	10.059.252.570
8.	Chi phí bán hàng	24		11.752.074.610	6.571.481.620	21.741.541.098	15.433.175.316
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		23.042.645.798	14.348.724.328	51.679.585.291	33.790.098.293
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32.026.453.538	1.004.410.329	50.870.552.774	31.574.891.674
11.	Thu nhập khác	31		2.019.077.333	(1.148.206.233)	4.356.270.270	8.722.974.325
12.	Chi phí khác	32		1.008.086.097	107.302.455	3.339.795.544	4.578.967.247
13.	Lợi nhuận khác	40		1.010.991.236	(1.255.511.688)	1.016.474.726	4.144.007.078
	Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45				-	-
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33.037.444.774	(251.101.359)	51.887.027.500	35.718.898.752
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.095.476.455	(246.247.089)	2.883.062.144	368.978.917
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		1.313.731.938	157.008.419	996.153.084	2.952.492.702
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		29.628.236.381	(161.862.689)	48.007.812.273	32.397.427.133
18.1.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		8.474.037.817	9.530.951.895	11.334.016.440	9.575.271.483
18.2.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		21.154.198.564	(9.692.814.584)	36.673.795.833	22.822.155.650
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70				889	587

Kế toán trưởng



Phan Anh Thu

Lập ngày 02 tháng 2 năm 2010

Giám đốc



Nguyễn Tuấn Hải